TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KONTUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2024/HS-ST.
Ngày: 20/9/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông A Brưk và bà Chế Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Công – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 93/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Thu Th (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 08/01/1971 tại tỉnh Kon Tum. Nơi cư trú: Hẻm 86/18 K, phường Th, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trung Ngh và bà Nguyễn Thị C (Đều đã chết); Bị cáo có chồng đầu là Phạm Ngọc T và chồng kế là Đinh Khắc S (đều đã chết) và có 03 (Ba) con, con lớn nhất sinh năm 1989; con nhỏ sinh năm 2003; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: tốt.

Bị can bị tạm giam từ ngày 07/3/2024 đến ngày 29/3/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thế H (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 02/01/1996 tại tỉnh Kon Tum. Nơi cư trú: Hẻm 86/18 K, phường Th, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trường S (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (Đã bỏ đi, không rõ năm sinh, nơi ở); Bị cáo có vợ là Ngô Thị Thùy Tr, sinh năm 1996 (Đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2017.

Tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 12/5/2021, Nguyễn Thế H bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum tuyên phạt 03 năm 09 tháng tù về tội "Che giấu tội phạm". Đến ngày 13/5/2022, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống (Chưa xóa án tích).

- Nhân thân: Ngày 31/12/2010, Nguyễn Thế H bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum – tỉnh Kon Tum tuyên phạt 02 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" tại bản án số 91/2010/HS-ST. (Người chưa thành niên nên thuộc trường hợp không có án tích)

Ngày 10/4/2013, Nguyễn Thế H bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum – tỉnh Kon Tum tuyên phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 36/2013/HS-ST. (Người chưa thành niên nên thuộc trường hợp không có án tích)

Ngày 27/6/2013, Nguyễn Thế H bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum – tỉnh Kon Tum tuyên phạt 09 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" tại bản án số 64/2013/HS-ST. (Người chưa thành niên nên thuộc trường hợp không có án tích).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 17/6/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Mai Thị Hồng Th2, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 02 B, phường Th, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

2. Chị Trương Thị Th1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Hẻm 95 V, phường D, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.Anh Đỗ Thanh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 178 Tr, phường Tr, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

4.Chị Nguyễn Thị Thanh Nh, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Đội 8, thôn 5, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Chị Phạm Thị Quỳnh H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số 62 Ng, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

6.Bà Nguyễn Thị Ngọc Th3, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

7.Bà Thái Thị Tr, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 261/4 đường B, phường Th, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Nguyễn Trường L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp Ph, xã Th huyện Ch, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

9. Anh Đinh Hữu T, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Hẻm 86/18 K, phường Th, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 03 năm 2022 đến tháng 02 năm 2024, Nguyễn Thị Thu Th thấy trên địa bàn thành phố Kon Tum nhiều người có nhu cầu vay tiền nhỏ lẻ để làm ăn nên Th nảy sinh ý định cho vay nặng lãi để thu lợi bất chính và đã thực hiện cho những cá nhân có nhu cầu vay tiền trên địa bàn thành phố Kon Tum – tỉnh Kon Tum với lãi suất 30.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với lãi suất 3%/ngày, 109,5%/năm. Quá trình cho vay, Th nói Nguyễn Thế H mượn tài khoản ngân hàng để các con nợ chuyển tiền lãi vào tài khoản đó. Sau đó, H mượn tài khoản ngân hàng Sacombank có số tài khoản 040112479467 của Phạm Thị Quỳnh H để khi các con nợ chuyển tiền lãi vào tài khoản thì H sẽ rút tiền mặt rồi đưa lại cho Th. Cụ thể những trường hợp vay tiền như sau:

Lần thứ 1: Khoảng tháng 03 năm 2022, Nguyễn Thị Thu Th cho bà Nguyễn Thị Thanh Nh vay số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) với thỏa thuận bà Nh phải trả lãi là 30.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với lãi suất 3%/ngày, 109,5%/năm cho Th, khi nào trả tiền gốc thì mới giảm tiền lãi. Đối với khoản vay này bà Nh đã trả được 210 (Hai trăm mười) ngày tiền lãi tương ứng với số tiền 31.500.000 đồng *(Ba mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng)* trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự 20%/năm tương đương 0,055%/ngày là 577.500đ *(Năm trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng),* Th **thu lợi bất chính** số tiền **30.922.500 đồng** (*Ba mươi triệu, chín trăm hai mươi hai ngàn năm trăm đồng).* Số tiền nợ gốc bà Nhạc chưa thanh toán.

Đến tháng 8 năm 2022, Th tiếp tục cho bà Nh vay thêm 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) với thỏa thuận bà Nh phải trả lãi như trên cho Th, khi nào trả tiền gốc thì mới giảm tiền lãi. Đối với khoản vay này bà Nh đã trả được 120 (Một trăm hai mươi) ngày tiền lãi tương ứng với số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự 20%/năm tương đương 0,055%/ngày là 330.000 đồng (Ba trăm ba mươi ngàn đồng), Th **thu lợi bất chính** số tiền **17.670.000đ** (Mười bảy triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng). Số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng bà Nh chưa thanh toán.

Lần thứ 2: Khoảng tháng 4 năm 2023, Nguyễn Thị Thu Th cho bà Thái Thị Tr vay số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) với thỏa thuận bà Tr phải trả lãi là 30.000

đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với lãi suất 3%/ngày, 109,5%/năm cho Th, khi nào trả tiền gốc thì mới giảm tiền lãi. Đối với khoản vay này bà Tr đã trả được 200 (Hai trăm) ngày tiền lãi tương ứng với số tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự 20%/năm tương đương 0,055%/ngày là 550.000đ (Năm trăm năm mươi ngàn đồng), Th **thu lợi bất chính** số tiền **29.450.000đ** (Hai mươi chín triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng). Số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng bà Tr chưa thanh toán.

Lần thứ 3: Khoảng cuối tháng 9 đến giữa tháng 10 năm 2023, Nguyễn Thị Thu Th cho bà Trương Thị Th1 vay nhiều lần với tổng số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) và thỏa thuận bà Thảo phải trả lãi là 30.000đồng/1.000.000đồng/ngày tương ứng với lãi suất 3%/ngày, 109,5%/năm cho Th, khi nào trả tiền gốc thì mới giảm tiền lãi. Đối với khoản vay này bà Th1 đã trả được 15 (Mười lăm) ngày tiền lãi tương ứng với số tiền 58.500.000 đồng (Năm mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự 20%/năm tương đương 0,055%/ngày là 1.072.500 đồng (Một triệu không trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm đồng), Th **thu lợi bất chính** số tiền **57.427.500đ** (Năm mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng). Đối với khoản vay này, bà Th1 đã trả được số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và còn nợ lại số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Trong đó, Nguyễn Thế H đã nhận tiền lãi từ việc chuyển khoản của bà Th1 là 08 (Tám) lần với tổng số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng) trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 586.667 đồng *(Năm trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng),* H giúp sức **thu lợi bất chính** số tiền **31.413.333 đồng** *(Ba mươi mốt triệu bốn trăm mười ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).*

Sau khi bà Th1 đã trả được số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và còn nợ lại số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) thì tiếp tục phải trả lãi như thỏa thuận ban đầu cho Th, khi nào trả tiền gốc thì mới giảm tiền lãi. Đối với số tiền nợ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) này bà Th1 đã trả được 45 (Bốn mươi lăm) ngày tiền lãi tương ứng với số tiền 40.500.000 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm ngàn đồng) trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự 20%/năm tương đương 0,055%/ngày là 742.500 đồng (Bảy trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng), Th **thu lợi bất chính** số tiền **39.757.500 đồng** (Ba mươi chín triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng). Trong đó, Nguyễn Thế H đã nhận tiền lãi từ việc chuyển khoản của bà Th1 là 40 lần với tổng số tiền 36.180.000 đồng (Ba mươi sáu triệu một trăm tám mươi ngàn đồng) trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 663.300 đồng (Sáu trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm

đồng), H giúp sức **thu lợi bất chính** số tiền **35.516.700 đồng** (Ba mươi lăm triệu năm trăm mười sáu ngàn bảy trăm đồng).

Đến khoảng tháng 01 năm 2024, Th tiếp tục cho bà Trương Thị Th1 vay thêm 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) cộng với nợ cũ từ khoản vay trước là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), tổng cộng bà Th1 vay Th số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) với thỏa thuận bà Th1 phải trả lãi như thỏa thuận ban đầu cho Th, khi nào trả tiền gốc thì mới giảm tiền lãi. Đối với khoản vay này bà Th1 đã trả được 10 (Mười) ngày tiền lãi tương ứng với số tiền 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng) trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự 20%/năm tương đương 0,055%/ngày là 605.000 đồng (Sáu trăm lẻ năm ngàn đồng), Th **thu lợi bất chính** số tiền **32.395.000đ** (Ba mươi hai triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn đồng). Trong đó, Nguyễn Thế H đã nhận tiền lãi từ việc chuyển khoản của bà Thảo là 09 (Chín) lần với tổng số tiền là 30.300.000 đồng (Ba mươi triệu ba trăm ngàn đồng) trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 555.500đ (Năm trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm đồng), H giúp sức **thu lợi bất chính** số tiền **29.744.500đ** (Hai mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng).

Đối khoản vay này hiện bà Trương Thị Th1 còn nợ lại số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) chưa thanh toán.

Lần thứ 4: Ngày 01 tháng 12 năm 2023, Nguyễn Thị Thu Th cho ông Đỗ Thanh T vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với thỏa thuận ông T phải trả lãi là 30.000 đồng/1.000.000đồng/ngày tương ứng với lãi suất 3%/ngày, 109,5%/năm cho Th, khi nào trả tiền gốc thì mới giảm tiền lãi. Đối với khoản vay này ông T đã trả được 05 (Năm) ngày tiền lãi tương ứng với số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự 20%/năm tương đương 0,055%/ngày là 27.500đ (Hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng), Th **thu lợi bất chính** số tiền **1.472.500đ** (Một triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm đồng). Đối với khoản vay này, ông T đã trả đủ tiền vay gốc 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Ngày 30 tháng 12 năm 2023, Nguyễn Thị Thu Th cho ông T vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với thỏa thuận ông T phải trả lãi là 30.000đồng/1.000.000đồng/ngày tương ứng với lãi suất 3%/ngày, 109,5%/năm cho Th, khi nào trả tiền gốc thì mới giảm tiền lãi. Đối với khoản vay này ông T đã trả được 04 (Bốn) ngày tiền lãi tương ứng với số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật

Dân sự 20%/năm tương đương 0,055%/ngày là 22.000 đồng (Hai mươi hai ngàn đồng), Th **thu lợi bất chính** số tiền **1.178.000đ** (Một triệu một trăm bảy mươi tám ngàn đồng). Đối với khoản vay này, ông T đã trả đủ tiền vay gốc 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Ngày 21 tháng 01 năm 2024, ông T tiếp tục vay thêm số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với thỏa thuận ông Tphải trả lãi như thỏa thuận ban đầu cho Th, khi nào trả tiền gốc thì mới giảm tiền lãi. Đối với khoản vay này ông T đã trả được 06 (Sáu) ngày tiền lãi tương ứng với số tiền 1.800.000đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự 20%/năm tương đương 0,055%/ngày là 33.000 đồng (Ba mươi ba ngàn đồng), Th **thu lợi bất chính** số tiền **1.767.000đ** (Một triệu bảy trăm sáu mươi bảy ngàn đồng). Đối với khoản vay này, ông T đã trả đủ tiền vay gốc 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Đối với tất cả các lần trả lãi của ông T cho Th thì ông T đều chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng cho Nguyễn Thế H để H đưa lại cho Th. Tổng số tiền H giúp sức **thu lợi bất chính** là **4.417.500 đồng** (Bốn triệu bốn trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng).

Ngày 08/02/2024, ông T vay của Th số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), tuy nhiên Th không thu lãi khoản vay này mà thỏa thuận với ông T trong vòng 01 (Một) tháng ông T phải trả lại tiền gốc cho Th. Sau đó, ông T đã trả được cho Th số tiền nợ gốc của khoản vay này là 26.500.000 đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng). Hiện ông T còn nợ lại 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Lần thứ 5: Ngày 17 tháng 12 năm 2023, Nguyễn Thị Thu Th cho bà Mai Thị Hồng Th2 vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với thỏa thuận bà Th2 phải trả lãi là 30.000 đồng/1.000.000đồng/ngày tương ứng với lãi suất 3%/ngày, 109,5%/năm cho Th, khi nào trả tiền gốc thì mới giảm tiền lãi. Đối với khoản vay này bà Th2 đã trả được 28 (Hai mươi tám) ngày tiền lãi tương ứng với số tiền 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng) trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự 20%/năm tương đương 0,055%/ngày là 154.000 đồng (Một trăm năm mươi bốn ngàn đồng), Th **thu lợi bất chính** số tiền **8.246.000đ** (Tám triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn đồng). Số tiền nợ gốc bà Th2 chưa thanh toán.

Đến ngày 28 tháng 12 năm 2023, Nguyễn Thị Thu Th tiếp tục cho bà Mai Thị Hồng Th2 vay thêm số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với thỏa thuận bà Th2 phải trả lãi như thỏa thuận ban đầu cho Th, khi nào trả tiền gốc thì mới giảm tiền lãi. Đối với khoản vay này bà Th2 đã trả được 20 (Hai mươi) ngày tiền lãi tương ứng với số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương đương 0,055%/ngày là 110.000đ

(Một trăm mười ngàn đồng), Th **thu lợi bất chính** số tiền **5.890.000đ** (Năm triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng). Số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng bà Th2 đã trả cho bị cáo.

Lần thứ 6: Khoảng tháng 01 năm 2024, Nguyễn Thị Thu Th cho bà Nguyễn Thị Ngọc Th3 vay số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) với thỏa thuận bà Th3 phải trả lãi là 30.000đ/1.000.000đ/ngày tương ứng với lãi suất 3%/ngày, 109,5%/năm cho Th, khi nào trả tiền gốc thì mới giảm tiền lãi. Đối với khoản vay này bà Th3 đã trả được 45 (Bốn mươi lăm) ngày tiền lãi tương ứng với số tiền 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự 20%/năm tương đương 0,055%/ngày là 123.750 đồng (Một trăm hai mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng), Th **thu lợi bất chính** số tiền **6.626.250đ** (Sáu triệu sáu trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng). Số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng bà Th3 chưa thanh toán.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay của Nguyễn Thị Thu Th là **232.802.250đ** *(Hai trăm ba mươi hai triệu tám trăm lẻ hai ngàn hai trăm năm mươi đồng).*

Tổng số tiền giúp sức thu lợi bất chính cho Nguyễn Thị Thu Th của Nguyễn Thế H là **101.092.033đ** *(Một trăm lẻ một triệu không trăm chín mươi hai ngàn không trăm ba mươi ba đồng).*

Vật chứng vụ án bao gồm:

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung;

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám – bạc;

+ 01 (Môt) thẻ ngân hàng số 5174160059924986, tên Phạm Thị Quỳnh Hương;

+ Số tiền 605.950.000đ theo Giấy nộp tiền vào tài khoản Kho bạc Nhà nước lập ngày 18/3/2024.

Số vật chứng trên chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum bảo quản theo quy định của pháp luật.

- Đối với 66 (Sáu mươi sáu) tờ giấy cho mượn tiền; 01 (Một) quyển sổ màu xanh – trắng (Đang được lưu giữ tại hồ sơ vụ án).

Cáo trạng số 108/CT-VKSTPKT ngày 06/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Thế H về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum thực hành quyền công tố, kiểm sát trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Thế H như Cáo trạng và đánh giá tính chất, mức độ

hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thuy Th, Nguyễn Thế H phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*; Áp dụng khoản 2 Điều 20, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Thu Th từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g,h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H từ 07 đến 09 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu Th phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền cho vay được trừ vào số tiền những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án còn nợ lại bị cáo. Buộc bị cáo phải nộp tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đã thu của người vay.

- Về số tiền thu lợi bất chính: Buộc bị cáo phải trả lại **232.802.250 đồng** *(Hai trăm ba mươi hai triệu tám trăm lẻ hai ngàn hai trăm năm mươi đồng)* tiền lãi bất chính cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án mà bị cáo đã thu từ họ.

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền còn nợ bị cáo Nguyễn Thị Thu Th.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu Th đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Do bị cáo H có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Thế H

- Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đều ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và

những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi truy tố các bị cáo: Trên cơ sở lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 03/2022 đến tháng 01/2024, Nguyễn Thị Thu Th nảy sinh ý định cho người khác vay tiền để lấy lãi suất cao nên đã cho các ông, bà Mai Thị Hồng Th2, Trương Thị Th1, Nguyễn Thị Ngọc Th3, Nguyễn Thị Thanh Nh, Thái Thị Tr và Đỗ Thanh T vay tiền với lãi suất 30.000đồng/1.000.000đồng/ngày tương ứng với lãi suất 03%/ngày, 109,5%/năm vượt quá từ gấp 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: 1.*"Lãi suất vay do các bên thoả thuận. Trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất thì lãi suất theo thoả thuận không được vượt qua 20%/năm của khoản tiền vay..."*. Tổng số tiền bị cáo Th dùng để cho vay là 180.000.000 đồng *(Một trăm tám mươi triệu đồng)*, tổng số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay của Nguyễn Thị Thu Th là 232.802.250 đồng *(Hai trăm ba mươi hai triệu, tám trăm lẻ hai nghìn, hai trăm năm mươi đồng).*

Đối với Nguyễn Thế H, mặc dù biết bị cáo Th cho vay tiền với lãi suất vượt quá lãi suất quy định nhưng H vẫn đồng ý giúp bị cáo Th về cung cấp tài khoản ngân hàng để những người vay tiền chuyển tiền lãi vào tài khoản và H đã rút tiền đưa Th với tổng số tiền thu lợi bất chính là 101.092.033 đồng *(Một trăm lẻ một triệu, không trăm chín mươi hai nghìn, không trăm ba mươi ba đồng).*

Hành vi của của các bị cáo Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Thế H đã phạm vào tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà còn làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn, kiệt quệ do phải trả lãi cao, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân mà các bị cáo cố ý thực hiện, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy, việc đưa

các bị cáo ra xét xử trước pháp luật là cần thiết để giáo dục, cải tạo các bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Nguyễn Thị Thu Th là người khởi xướng và thực hành, bị cáo Nguyễn Thế H là người giúp sức nên các bị can phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình đã gây ra.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị Thu Th cho vay có 04 lần thu lời bất chính số tiền trên 30.000.000 đồng, Nguyễn Thế H giúp sức cho Nguyễn Thị Thu Th 02 lần thu lời bất chính số tiền trên 30.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thế H bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum tuyên phạt 03 năm 09 tháng tù về tội "Che giấu tội phạm" vào ngày 12/5/2021. Đến ngày 13/5/2022, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống (Chưa xóa án tích), nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân của bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Thị Thu Th có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Nguyễn Thế H có nhân thân xấu, đã 03 lần bị Tòa án kết án.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nguyễn Thị Thu Th có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phạm tội không mang tính chất chuyên nghiệp, không phải dưới hình thức băng, ổ nhóm nên vận dụng nguyên tắc xử lý tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để áp dụng hình phạt nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo để có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Thế H có nhân thân xấu, đã 03 lần bị kết án và bị "tái phạm", nên cũng cần thiết áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Thị Thu Th đã bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

-Áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thế H 30.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước

[5]. Về vấn đề khác: Đối với chị Phạm Thị Quỳnh H là chủ sở hữu tài khoản ngân hàng Sacombank có số tài khoản 040112479467 mang tên "PHAM THI QUYNH HUONG". Quá trình Nguyễn Thế H mượn tài khoản ngân hàng cùng thẻ ATM để sử dụng thì Hương đã giao lại thẻ cho H quản lý, sử dụng nên Hương không biết H sử dụng tài khoản ngân hàng của mình vào mục đích gì. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với chị Phạm Thị Quỳnh H là có căn cứ.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)* bị cáo Th cho ông T vay vào ngày 08/02/2024, số tiền này Th không thu lãi mà thỏa thuận với ông T trong vòng 01 (Một) tháng ông Tùng phải trả lại tiền gốc cho Th. Sau đó, ông T đã trả được cho Th số tiền nợ gốc của khoản vay này là 26.500.000 đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng). Hiện ông T còn nợ lại 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Cơ quan điều tra không xử lý là có cơ sở, nên không đề cập.

[6]. Về biện pháp tư pháp: Khoản tiền bị cáo Th dùng để cho vay là số tiền để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Nguyễn Thị Thu Th dùng số tiền 10.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Thanh Nh vay 02 lần, mỗi lần vay 5.000.000 đồng. Số tiền này chị Nh chưa trả cho bị cáo, cần buộc chị Nguyễn Thị Thanh Nh nộp lại số tiền 10.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Nguyễn Thị Thu Th dùng số tiền 5.000.000 đồng cho bà Thái Thị Tr vay. Số tiền này bà Tr chưa trả cho bị cáo, cần buộc bà Tr nộp lại số tiền 5.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Nguyễn Thị Thu Th dung số tiền 130.000.000 đồng cho chị Trương Thị Th1 vay: Lần 1 từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2023 cho vay số tiền 130.000.000 đồng. Sau đó chị Th1 trả cho bị cáo 100.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng. Đến tháng 01/2024, chị Th1 vay bị cáo số tiền 80.000.000 đồng. Bị cáo lấy số tiền 80.000.000 đồng mà chị Th1 đã trả để cho chị Th1 vay. Như vậy số tiền bị cáo dùng để cho vay là 130.000.000 đồng, chị Th1 còn nợ bị cáo 100.000.000 đồng. Số tiền này chị Th1 chưa trả cho bị cáo, cần buộc chị Trương Thị Th1 nộp lại số tiền 100.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước. Bị cáo Nguyễn Thị Thu Th nộp lại số tiền 30.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Nguyễn Thị Thu Th dùng số tiền 10.000.000 đồng cho ông Đỗ Thanh T vay: Lần 1 vay số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó ông T trả cho bị cáo số tiền gốc 10.000.000 đồng. Lần 2, ông T vay bị cáo 10.000.000 đồng, thì bị cáo lấy số tiền 10.000.000 đồng mà ông T đã trả cho bị cáo để cho vay. Sau đó ông T đã trả cho bị cáo số tiền gốc lần 2 là 10.000.000 đồng. Lần 3, ông T vay bị cáo 10.000.000 đồng, thì bị cáo lấy số tiền 10.000.000 đồng mà ông T đã trả cho bị cáo lần 2 để cho vay. Sau đó ông T đã trả cho bị cáo số tiền gốc lần 3 là 10.000.000 đồng. Như vậy số tiền vốn bị cáo dùng để cho vay chỉ có 10.000.000 đồng. Ông T đã trả hết cho bị cáo, cần buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu Th nộp lại số tiền 10.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Nguyễn Thị Thu Th dùng số tiền 20.000.000 đồng cho bà Mai Thị Hồng Th2 vay 02 lần, mỗi lần vay 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Th thừa nhận sau khi khởi tố, điều trả bà Th2 đã trả tiền cho bị cáo, do đó cần buộc bị cáo Th nộp lại số tiền 20.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Nguyễn Thị Thu Th dùng số tiền 5.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Ngọc Th3 vay. Số tiền này bà Th3 chưa trả cho bị cáo, cần buộc bà Th3 nộp lại số tiền 5.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Tổng cộng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chưa trả cho bị cáo số tiền 120.000.000 đồng, cần buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp lại số tiền 120.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu Th phải nộp lại số tiền 60.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với khoản tiền lãi 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự bị cáo nhận từ những người vay với số tiền 4.347.750 đồng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội, nên buộc bị cáo phải nộp để sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính 232.802.250 đồng *(Hai trăm ba mươi hai triệu, tám trăm lẻ hai nghìn, hai trăm năm mươi đồng)*, cần buộc bị cáo Th trả lại cho những người vay.

[7]. Về việc xử lý vật chứng:

- Quá trình truy tố, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đã tiến hành xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp bà Nguyễn Thị Thu Th 01 (Một) vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng có gắn các khối gỗ; 01 (Một) dây đeo bằng kim loại màu vàng; 01 (Một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 (Một) nhẫn bằng kim loại màu vàng có đính đá màu đỏ; Trả lại cho ông Đinh Hữu T 01 (Một) nhẫn bằng kim loại màu vàng, bên mặt trong nhẫn có dòng chữ "KIM THUY KHANG 9999 KTK 5C". Xét thấy đây là tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội, Viện kiểm sát

nhân dân thành phố Kon Tum trả lại cho chủ sử hữu là phù hợp, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Đối với 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung là của bị cáo Nguyễn Thị Thu Th dùng làm phương tiện liên lạc phạm tội, cần tịch thu thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám – bạc và 01 (Môt) thẻ ngân hàng số 5174160059924986, tên Phạm Thị Quỳnh H là của chị Phạm Thị Quỳnh H, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho chị Hương là phù hợp.

Đối với số tiền 605.950.000 đồng: Trong đó ngày 27/02/2024 thu giữ tại nhà chị Phạm Thị Quỳnh H 10.500.000 đồng là tiền của chị H, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho chị H.

Số tiền còn lại là 595.450.000 đồng thu giữ tại nhà của bị cáo Nguyễn Thị Thu Th. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định số tiền 350.000.000 đồng là của anh Nguyễn Trường L (Em của bị cáo Th), Địa chỉ: Ấp Ph, xã Th, huyện Ch, tỉnh Bến Tre. Đây là số tiền của anh L gửi bị cáo Th để tìm mua nhà, đất, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho anh L là phù hợp.

Số tiền còn lại 245.450.000 đồng là tài sản của bị cáo Th, cần tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Đối với 66 (Sáu mươi sáu) tờ giấy cho mượn tiền; 01 (Một) quyển sổ màu xanh – trắng là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội cần được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh: Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Thu Th (Tên gọi khác: Không), Nguyễn Thế H (Tên gọi khác: Không) phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

2. Về hình phạt:

2.1: Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu Th 280.000.000 đồng *(Hai trăm tám mươi triệu đồng)* để sung quỹ Nhà nước kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2: Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g,h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H 07 *(Bảy)* tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày

bắt thi hành án.

Căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thế H số tiền 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)* để sung ngân sách nhà nước kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về biện pháp Tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

3.1. Biện pháp Tư pháp:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu Th phải nộp lại số tiền dùng để cho vay 60.000.000 đồng *(Sáu mươi triệu đồng)* để sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu Th phải nộp lại số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm: 4.347.750 đồng *(Bốn triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi đồng)* để sung ngân sách Nhà nước.

Tổng cộng bị cáo Nguyễn Thị Thu Th phải nộp số tiền 64.347.750 đồng *(Sáu mươi bốn triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi đồng)*.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính: **Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu Th phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền 232.802.250 đồng *(Hai trăm ba mươi hai triệu, tám trăm lẻ hai nghìn, hai trăm năm mươi đồng)*; Cụ thể như sau:**

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Nh: 48.592.500 đồng *(Bốn mươi tám triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm đồng)*.

2. Bà Thái Thị Tr: 29.450.000 *đồng (Hai mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Chị Trương Thị Th1: 129.580.000 đồng. *(Một trăm hai mươi chín triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng).*

4. Anh Đỗ Thanh T: 4.417.500 đồng. *(Bốn triệu, bốn trăm mười bảy nghìn, năm trăm đồng).*

5. Bà Mai Thị Hồng Th2: 14.136.000 đồng. *(Mười bốn triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn đồng).*

6. Bà Nguyễn Thị Ngọc Th3: 6.626.250 đồng. *(Sáu triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng).*

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án còn nợ của bị cáo số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) phải nộp để tịch thu sung ngân sách Nhà nước; Cụ thể:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Nh: 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*.

2. Bà Thái Thị Tr : 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)*.

3. Chị Trương Thị Th1: 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*.

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc Th3: 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng).*

3.2. Về việc xử lý vật chứng:

- Trả lại cho chị Phạm Thị Quỳnh H 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám – bạc và 01 (Môt) thẻ ngân hàng số 5174160059924986, tên Phạm Thị Quỳnh H.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung.

(Tất cả theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 27/8/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum).

-Trả lại cho chị Phạm Thị Quỳnh H số tiền 10.500.000 đồng *(Mười triệu năm trăm nghìn đồng).*

- Trả lại cho anh Nguyễn Trường L số tiền 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu đồng).*

- Tiếp tục tạm giữ số tiền còn lại 245.450.000 đồng *(Hai trăm bốn mươi lăm triệu, bốn trăm lăm mươi nghìn đồng)* của bị cáo Nguyễn Thị Thu Th để đảm bảo công tác thi hành án.

(Tất cả số tiền trên theo giấy giấy ủy nhiệm chi giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum ngày 16/8/2024).

4.**Về án phí sơ thẩm:** Căn cứ các Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Thế H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 20/9/2024) các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSNDTP;
- Công an TP;
- Thi hành án dân sự TP;
- Bị cáo;
- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hường